

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Kỹ thuật điện tử ứng dụng (228304) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Thị Lan Phương (280017)**

Số SV có mặt: 16.....

Số bài thi: 16.....

Số tờ giấy thi: 16.....

Cán bộ coi thi 1 <i>zhmz</i> Ng.T. Lan Phương	Cán bộ coi thi 2 <i>maich</i> NT Mai Lan	G.Viên chấm thi 1 <i>zhmz</i> Ng.T. L. Phương	G.Viên chấm thi 2 <i>maich</i> NT Mai Lan
---	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050016	NGÔ ĐÌNH NAM	20/10/2001	CCQ1905A			<i>Đ</i>	3.6	6.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121050009	NGUYỄN TRUNG PHI	18/03/2003	CCQ2105A			<i>Đ</i>	7.3	5.5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121050021	TRẦN QUANG PHÚ	02/03/2002	CCQ2105A			<i>Phu</i>	4.5	5.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121050010	ĐỖ HOÀNG PHƯỚC	16/01/2003	CCQ2105A			<i>Phu</i>	6.9	8.5	7.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121050011	PHAN TRẦN TRUNG TÂM	15/12/2003	CCQ2105A			<i>Phu</i>	1.8	6.0	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121050012	NGUYỄN CÔNG THÀNH	25/08/2003	CCQ2105A			<i>Phu</i>	6.3	8.0	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121050033	NGUYỄN ĐÌNH THAO	24/05/2003	CCQ2105A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121050028	NGUYỄN SỸ THIỆN	13/02/2002	CCQ2105A			<i>Thien</i>	6.8	5.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121050026	PHẠM MINH THÔNG	03/10/2003	CCQ2105A			<i>Thien</i>	8.1	9.0	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121050014	LÊ MINH THUẬN	13/09/2003	CCQ2105A			<i>Thien</i>	7.4	8.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121050015	NGUYỄN MINH TIẾN	18/06/2003	CCQ2105A			<i>Thien</i>	7.4	9.0	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121050075	LÊ ĐÔNG TRIỀU	27/12/2003	CCQ2105A			<i>Thien</i>	6.5	8.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121050016	TRƯƠNG THANH TRIỀU	06/10/2001	CCQ2105A			<i>Thien</i>	7.3	5.5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121050029	VÕ THÀNH TUÂN	17/11/2003	CCQ2105A			<i>Tuan</i>	6.6	8.5	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121050073	NGUYỄN MINH TUẤN	01/06/2003	CCQ2105A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121050020	PHẠM MINH TUẤN	16/10/2001	CCQ2105A			<i>Tuan</i>	7.9	8.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121050035	TRẦN VĂN TUẤN	03/07/2003	CCQ2105A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121050023	NGUYỄN TẤN VĨ	31/03/2002	CCQ2105A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121050017	LÊ HỒNG VIỆT	27/09/2003	CCQ2105A			<i>Phu</i>	6.8	5.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121050024	HỒ THANH XUÂN	25/01/2003	CCQ2105A			<i>Xuan</i>	4.1	5.5	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Điện tử truyền thông) (228250) - Nhóm 01**

CBGD:

Số SV có mặt: 04
Số bài thi: 04
Số tờ giấy thi: 04

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>gmgz</i> Ng. T. L. Phương	<i>maich</i> NTM Lan	<i>gmgz</i> Ng. T. L. Phương	<i>maich</i> NTM Lan

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119230006	NGUYỄN VĨNH KHANG	17/09/2000	CCQ1923A						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119230013	NGUYỄN VĂN SƠN	05/09/1993	CCQ1923A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119230018	HUỖNH HOÀNG TRUNG	22/07/2001	CCQ1923A						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119230019	TRƯƠNG CÔNG TRƯỜNG	17/08/2001	CCQ1923A						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9